

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI HỌC VÀ VIỆC ÁP DỤNG VÀO DẠY NGOẠI NGỮ

Đinh Ngọc Lâm*

Tóm tắt

Trong hoạt động giảng dạy ngoại ngữ, ngoài những yêu cầu về xác định nội dung, phương pháp, phương tiện dạy học một cách chính xác, linh hoạt nhằm nâng cao hiệu quả thì việc xác định năng lực của người học và khai thác các yếu tố liên quan đến phát triển năng lực người học cũng ngày càng được chú trọng. Trong một tổ hợp các năng lực ảnh hưởng đến hiệu quả của người học, năng lực giao tiếp luôn là một năng lực quan trọng cần được các nhà giáo học pháp cũng như giáo viên giảng dạy ngoại ngữ quan tâm đặc biệt. Hiểu được bản chất của các năng lực cần cung cấp cho người học, các nhà sư phạm có thể chủ động đưa ra các biện pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng của dạy và học ngoại ngữ.

Từ khóa: dạy ngoại ngữ, học ngoại ngữ, giao tiếp, năng lực, kỹ năng

Mã số: 191.071015. Ngày nhận bài: 07/10/2015. Ngày hoàn thành biên tập: 16/10/2015. Ngày duyệt đăng: 05/10/2015.

Summary

Today, in foreign language teaching, in order to improve efficiency, not only the content, methods and means of teaching are required for determining accurately and flexible, but also the learner's competence and all its factors related in order to developing this one are increasingly focused on. In all components of this competence, communicative competence is always considered the most important factor, in which foreign language teachers have to interest specially. Once all elements of this competence are holded, the teacher can proactively take appropriate measures to improve the quality of teaching and learning languages.

Key words: foreign language teaching, language learning, communication, competence, skills.

Paper No.191.071015. Date of receipt: 07/10/2015. Date of revision: 16/10/2015. Date of approval: 05/10/2015.

1. Đặt vấn đề

Trong thời đại hội nhập và toàn cầu hóa nhanh như hiện nay, ngoại ngữ có vai trò là một cầu nối vô cùng quan trọng để các nước xích gần với nhau, giúp cho các hoạt động trao đổi văn hóa và đặc biệt là kinh tế được thuận lợi. Thấy rõ được tầm quan trọng đó, Chính phủ đã nhanh chóng đưa ra các chính sách quốc gia về ngoại ngữ phù hợp với tình hình đất nước trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế. Nổi bật nhất là “Đề án ngoại ngữ Quốc gia 2020”

nhằm mục tiêu đến năm 2020, đa số thanh niên Việt Nam tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng và đại học có đủ năng lực ngoại ngữ sử dụng độc lập, tự tin trong giao tiếp, học tập làm việc trong môi trường hội nhập, đa ngôn ngữ, đa văn hóa. Chính vì thế việc dạy và học ngoại ngữ đã có được môi trường rất thuận lợi để phát triển. Để nâng cao hiệu quả của việc dạy và học ngoại ngữ hiện nay, các nhà giáo học pháp đã áp dụng rất phong phú các phương pháp và đường hướng dạy học khác nhau,

* TS, Trường Đại học Ngoại thương; Email: ngoclam.fr@ftu.edu.vn

trong đó, hiện nay, phần đông trong số họ đang nghiêng về đường hướng phát triển theo năng lực người học. Nhằm tìm hiểu sâu hơn phương hướng dạy học này, chúng tôi hướng tập trung vào xem xét các khái niệm và yêu cầu cơ bản liên quan đến năng lực người học ngoại ngữ. Từ đó, rút ra các biện pháp nhằm cải tiến việc dạy và học ngoại ngữ hiện nay.

2. Tổng quan về năng lực giao tiếp

2.1. Khái niệm năng lực

Khái niệm về năng lực dù được nhiều học giả đề cập đến nhưng cho đến nay việc thống nhất một định nghĩa về kỹ năng vẫn là một điều khó khăn nhất là trong lĩnh vực ngôn ngữ và giao tiếp. Ngay từ những năm 1965, Noam Chomsky đã phân biệt “năng lực” và “hành vi” ngôn ngữ theo đó “năng lực là một sự tiềm tàng được hiện thực hóa thông qua lời nói hoặc chữ viết để tạo nên hành vi”. Điều này được thể hiện rõ trong từ điển Robert: “năng lực là một hệ thống được tạo nên bởi các nguyên tắc và các yếu tố vận dụng các nguyên tắc này, được kết hợp bởi người dùng một ngôn ngữ tự nhiên cho phép tạo ra một số lượng không giới hạn các câu đúng ngữ pháp của ngôn ngữ này và cho phép hiểu những câu chưa từng nghe thấy”. Như vậy, dưới cái nhìn ngôn ngữ học, Chomsky cho rằng năng lực là một thứ sẵn có của chủ thể với tri thức mang tính hình thức của các cấu trúc ngữ pháp tồn tại độc lập ngoài ngữ cảnh hay các giá trị ngữ dụng liên quan, và như vậy chỉ nằm ở mức độ thành lập câu. Chính vì thế, đối với Chomsky, năng lực không phải là đối tượng của quá trình học mà nó có được dựa trên quá trình chín muồi của bộ não (Dolz, Pasquier et Bronckart, 1993 : 23-24).

Đặt trên quan điểm chung về năng lực trong giảng dạy các môn học phổ thông, Christian DELORY cho rằng năng lực là “tập hợp đầy đủ các kiến thức, kỹ năng làm việc, kỹ năng

sống giúp thích nghi, giải quyết vấn đề và thực hiện dự án trong một tình huống nào đó” (Christian DELORY, 2000). Khái niệm này cho chúng ta thấy đầy đủ hơn về các yếu tố cấu thành “năng lực”. Như vậy, năng lực trước tiên là một tập hợp của các yếu tố “kiến thức” và “kỹ năng” để thực hiện một việc gì đó (giải quyết vấn đề hay thực hiện dự án) nhưng phải đặt trong một “tình huống” cụ thể. Khái niệm này đưa ra có tính bao hàm đầy đủ các yếu tố cấu thành đối tượng của việc học, dạy trong trường học.

Tập trung cụ thể hơn về việc dạy và học ngoại ngữ, các tác giả của Khung quy chiếu chung các ngôn ngữ Châu Âu nêu rõ: “năng lực là tập hợp các kiến thức, kỹ năng và nền tảng sẵn có cho hành động”. Khái niệm này nêu lên được các yếu tố cấu thành của năng lực bao gồm các “kiến thức”, “kỹ năng” và cả những “nền tảng sẵn có” cho phép thực hiện một hành động nào đó. Như vậy, khái niệm này đề cập đến các yếu tố cần phải tích lũy và những yếu tố đã được tích lũy của chủ thể người học nhằm vận dụng trong một hành động cụ thể nào đó. Khái niệm này phù hợp với việc dạy và học ngoại ngữ khi coi người học là một chủ thể có yếu tố xã hội, có tính đến những vốn sẵn có về các mặt văn hóa, xã hội cũng như là kinh nghiệm cá nhân tích lũy được trong cuộc sống.

2.2. Vấn đề năng lực giao tiếp

Trong quá trình giảng dạy và học ngoại ngữ, yếu tố năng lực giao tiếp cần được quan tâm xứng đáng, cần được coi là vấn đề trọng tâm trong việc nghiên cứu cũng như phát triển nhằm cải tiến tốt hơn hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học của người học ngoại ngữ.

Khái niệm về năng lực giao tiếp lần đầu được xuất hiện trong những năm 1970 khi nhà ngôn ngữ học Hymes phân biệt hai loại

năng lực: “năng lực ngữ pháp” và “năng lực sử dụng”. Theo Hymes, “năng lực sử dụng” là khả năng vận dụng các “năng lực ngữ pháp” nhằm đảm bảo các phát ngôn phù hợp với các tình huống cụ thể. Từ đó, khái niệm “năng lực giao tiếp” được hình thành để chỉ việc sử dụng hiệu quả ngôn ngữ trong một tình huống xã hội cụ thể.

Đối với A. Abbou, năng lực giao tiếp được xem xét dưới góc độ xã hội nhiều hơn là ngôn ngữ. Theo Abbou, năng lực giao tiếp của một người nào đó là “tổng hợp năng lực vốn có và các khả năng thực hiện được hệ thống tiếp nhận và diễn giải các tín hiệu xã hội có được theo đúng như tập hợp các chỉ dẫn và quy trình đã được xây dựng và phát triển để tạo ra trong một tình huống xã hội các hành xử phù hợp với việc xem xét các dự định của mình”.

Dưới góc nhìn ngôn ngữ học của mình, Beautier – Casting lại cho rằng năng lực giao tiếp là “năng lực vốn có của người nói để hiểu một tình huống trao đổi ngôn ngữ và trả lời một cách thích hợp, bằng ngôn ngữ hay không bằng ngôn ngữ. Hiểu ở đây đồng nghĩa với việc đối chiếu một ngữ nghĩa không chỉ dưới hình thức quy chiếu, nghĩa học, nội dung của thông điệp, mà còn rất có thể là một hành vi, hoạt động tại lời và bởi lời có chủ đích” (Beautier-Casting, 1983). Có thể nói tác giả đề cao các vấn đề ngữ dụng khi đưa ra quan điểm của mình về năng lực giao tiếp.

Áp dụng cụ thể vào việc giảng dạy ngoại ngữ, các tác giả của Khung quy chiếu chung các ngôn ngữ Châu Âu cho rằng năng lực giao tiếp là khả năng của một cá nhân nói chung và người học nói riêng thực hiện một hành động nào đó, ở đây là hành động giao tiếp trong ngôn ngữ cần học. Nói một cách chi tiết hơn, năng lực giao tiếp của người học được thể hiện khi “người học vận hành các năng lực sẵn có trong các ngữ cảnh và điều kiện khác

nhau theo các yêu cầu nhằm thực hiện các hoạt động ngôn ngữ cho phép xử lý (trong việc tiếp nhận và diễn đạt) các văn bản theo các chủ đề trong một lĩnh vực cụ thể có vận dụng các chiến lược phù hợp nhất để hoàn thành nhiệm vụ được giao” (Daniel Coste et al, 2010). Như vậy, các tác giả của Khung quy chiếu này đã thể hiện rõ quan điểm của họ về việc dạy và học ngôn ngữ khi nhấn mạnh vào người học, vào khả năng vận hành ngôn ngữ một cách phù hợp của người học trong tình huống cụ thể và với hoạt động học chủ yếu là các nhiệm vụ cụ thể được giao. Chúng tôi cho rằng đây là một định nghĩa rất hữu ích và sát với thực tế của hoạt động dạy và học ngoại ngữ.

Tóm lại, trong quá trình giảng dạy ngôn ngữ, để đạt được năng lực giao tiếp, người học cần phải nắm bắt được nhiều yếu tố khác ngoài các kiến thức ngôn ngữ thuần túy để diễn đạt được ngôn ngữ mà mình học cho phù hợp trong các hoàn cảnh cụ thể.

2.3. Cấu trúc của năng lực giao tiếp

Việc phân định các thành phần khác nhau của năng lực giao tiếp cũng rất đa dạng ở các tác giả khác nhau.

Theo Daniel Coste, năng lực giao tiếp bao gồm bốn thành phần:

- Thành phần làm chủ ngôn ngữ gồm các kiến thức ngôn ngữ, các kỹ năng liên quan đến sự vận hành của ngôn ngữ với tư cách là một hệ thống cho phép thực hiện các phát ngôn;
- Thành phần làm chủ văn bản gồm các kiến thức ngôn ngữ, kỹ năng liên quan đến diễn ngôn, các thông điệp với tư cách là một chuỗi tổ chức phát ngôn;
- Thành phần làm chủ các yếu tố về phong tục gồm các kiến thức, kỹ năng liên quan đến tập quán, chiến lược, cách điều chỉnh trong trao đổi liên nhân theo đúng địa vị, vai vế và ý định của những người tham gia giao tiếp;

- Thành phần làm chủ tình huống bao gồm các kiến thức và kỹ năng liên quan đến các yếu tố khác nhau có thể ảnh hưởng đến cộng đồng và sự lựa chọn của người sử dụng ngôn ngữ trong một hoàn cảnh cụ thể.

Tuy nhiên, thiên về góc độ nội lực cá nhân cần vận dụng trong giao tiếp, A. Abbou đã đề xuất cấu trúc năm yếu tố của năng lực giao tiếp, bao gồm: năng lực ngôn ngữ, năng lực văn hóa-xã hội, năng lực logic, năng lực lập luận và kỹ hiệu học. Cụ thể như sau (A. Abbou, 1980: 15):

- Năng lực ngôn ngữ, Abbou cho rằng nó bao gồm các năng lực bẩm sinh và khả năng sử dụng ngôn ngữ mà chủ thể người nói có được để tiếp nhận và diễn đạt các phát ngôn của người khác và đưa ra các phát ngôn để người khác có thể tiếp nhận và diễn đạt lại được. Như vậy, năng lực này bao gồm các mặt thuần túy ngôn ngữ, diễn ngôn (chuyển từ câu sang lời nói) và các tình thái (tu từ). Năng lực này được thể hiện dưới nhiều cấp độ, tức là theo số lượng và sự phức tạp của các phát ngôn và các mẫu được tiếp nhận và phát ra.

- Năng lực văn hóa-xã hội bao gồm các năng lực bẩm sinh và khả năng sử dụng ngôn ngữ mà chủ thể người nói có được để kết nối các tình huống, sự kiện, hành vi, ứng xử với các mã hóa xã hội và hệ quy chiếu (hệ thống các quan niệm điều chỉnh việc tổ chức các tập quán về khoa học và xã hội). Giống như năng lực ngôn ngữ, năng lực này cũng được hình thành theo từng cấp độ.

- Năng lực logic chỉ các năng lực bẩm sinh và khả năng để tạo ra tập hợp các diễn ngôn có thể diễn đạt được, liên kết với các biểu trưng và phạm trù thực tế và phân biệt các cơ sở khái niệm, các phương thức nối kết và bước cụ thể để đảm bảo diễn ngôn được thống nhất, tiến triển và có hiệu lực.

- Năng lực lập luận bao gồm các năng lực bẩm sinh và khả năng cho phép tạo ra các thao tác diễn ngôn theo mối quan hệ giữa cá nhân với tổ chức, với tình huống, với nhu cầu, với dự định mang tính chiến lược và chiến thuật.

- Cuối cùng là năng lực tín hiệu học bao gồm các năng lực bẩm sinh và khả năng giúp cá nhân có được các phương tiện tiếp nhận các đặc tính võ đoán, đa hệ thống và nhất là dễ thay đổi của tín hiệu diễn tả mang tính xã hội và các diễn đạt bằng ngôn ngữ. Đặc biệt, năng lực này được cụ thể hóa bằng việc hiểu và thực hành các thao tác diễn đạt, giữ và tái hiện nghĩa hoặc là để phù hợp với thực tế hoặc là khi tưởng tượng có sử dụng ngôn ngữ để thể hiện được các dấu hiệu ảo ảnh hoặc ý muốn.

Cũng cùng quan điểm cấu trúc năm yếu tố, nhưng H. Boyer lại tổ chức theo một hướng nhìn khác. Theo học giả này, năm yếu tố đó bao gồm: 1- Năng lực về tín hiệu hay tín hiệu ngôn ngữ; 2- Năng lực về quy chiếu; 3- Năng lực về diễn ngôn – văn bản; 4- Năng lực xã hội dụng học; 5- Năng lực về tính bản sắc xã hội văn hóa (H. Boyer, 1990). Như vậy, theo quan điểm này, tất cả các yếu tố cấu thành năng lực giao tiếp thể hiện tương đối hoàn chỉnh các yếu tố ảnh hưởng đến việc nắm bắt ngôn ngữ của một người dùng ngôn ngữ nói chung chứ không phải trên quan điểm của người học một ngôn ngữ.

Cuối cùng, chúng tôi thấy các tác giả của Khung quy chiếu chung các ngôn ngữ châu Âu đưa ra quan điểm hợp lý hơn với cấu trúc ba yếu tố của năng lực giao tiếp, bao gồm: năng lực ngôn ngữ, năng lực xã hội ngôn ngữ và năng lực dụng học. Để hiểu rõ các thành phần này của năng lực giao tiếp, chúng ta có thể quan sát các miêu tả chi tiết dưới đây trong tổng thể các năng lực theo chuẩn Khung quy chiếu chung các ngôn ngữ Châu Âu.

2.4. Các năng lực theo Khung quy chiếu chung các ngôn ngữ Châu Âu

Các năng lực chung	
1. Tri thức	- Tri thức về văn hóa nói chung đề cập đến hình ảnh về thế giới nói chung mà con người nhận biết được vì nó gắn bó chặt chẽ với việc diễn đạt bằng ngôn ngữ, đó là nền tảng không thể không có của một người học ngôn ngữ. Tri thức này được tích lũy từ tiếng mẹ đẻ và tiếp tục được bồi đắp thêm trong quá trình học ngôn ngữ mới
	- Tri thức về văn hóa-xã hội thực chất là một phương diện của hiểu biết về thế giới nhưng những hiểu biết này về xã hội và văn hóa của một cộng đồng sử dụng ngôn ngữ mà người học cần học lại là những hiểu biết mang tính chất mới, chưa từng có trong kinh nghiệm của người học, ví dụ như những kiến thức về đời sống thường nhật; điều kiện sống; các mối quan hệ liên nhân; các giá trị, niềm tin và hành vi liên quan đến các phương diện của đời sống xã hội con người; kỹ năng sống; các tập tục xã hội
	- Ý thức về giao thoa văn hóa nhấn mạnh khía cạnh về sự giống và khác nhau giữa hai nền văn hóa mà người học cần phải ý thức khi học một ngôn ngữ
2. Năng lực và kỹ năng làm việc	- Năng lực và kỹ năng thực hành bao gồm các năng lực xã hội, năng lực thực hành trong đời sống hằng ngày, năng lực về kỹ thuật và nghề nghiệp và năng lực trong hoạt động giải trí
	- Năng lực và kỹ năng trong vấn đề giao thoa văn hóa bao gồm các khả năng thiết lập và xử lý các mối quan hệ với người của nền văn hóa khác mà người học học ngôn ngữ để tránh những hiểu lầm hay xung đột văn hóa khi giao tiếp
3. Kỹ năng sống	- Các yếu tố liên quan đến những hành xử trong cuộc sống cá nhân của người học ngôn ngữ cũng có những ảnh hưởng đến việc giao tiếp ngôn ngữ, đó là những yếu tố tạo nên bản sắc riêng của cá nhân trong các tình huống giao tiếp ngôn ngữ như thái độ (sự cởi mở, sẵn lòng tiếp nhận những cái mới của nền văn hóa khác); động cơ (mong muốn, nhu cầu giao tiếp); các giá trị thẩm mỹ và đạo đức; các tín ngưỡng tôn giáo, ý thức hệ; các nét tính cách cá nhân
4. Kỹ năng học	- Những kỹ năng cần có để quan sát, tham gia và nắm bắt các kiến thức mới không làm thay đổi kiến thức đã có. Như vậy, năng lực học của người học sẽ được phát triển ngay chính trong quá trình học. Để tạo thành kỹ năng này trong việc học ngoại ngữ, các yếu tố cơ bản cần có được bao gồm: ý thức về ngôn ngữ và về giao tiếp; năng lực ngữ âm; năng lực học và năng lực khám phá
Năng lực giao tiếp ngôn ngữ	
1. Năng lực ngôn ngữ	- Khi thực hiện các hoạt động ngôn ngữ, người sử dụng ngôn ngữ hay người học ngôn ngữ đều phải vận dụng các yếu tố liên quan đến việc tổ chức ngôn ngữ đó, cụ thể là các nguyên tắc, quy ước cũng như các thói quen ngôn ngữ để đảm bảo cho ngôn ngữ đó vận hành được trong cộng đồng ngôn ngữ. Về cơ bản, năng lực ngôn ngữ được hình thành từ năm năng lực chính: năng lực từ vựng; năng lực ngữ pháp năng lực ngữ nghĩa; năng lực ngữ âm và năng lực chính tả

2. Năng lực xã hội ngôn ngữ	- Các kiến thức và kỹ năng cần có để có thể sử dụng ngôn ngữ phù hợp về khía cạnh xã hội. Để thể hiện được năng lực đó, người học phải nắm bắt và vận dụng được các vấn đề về: quan hệ xã hội trong ngôn ngữ, các nguyên tắc thể hiện phép lịch sự trong giao tiếp xã hội, thành ngữ, tục ngữ, cấp độ ngôn ngữ, phương ngữ
3. Năng lực dụng học	- Năng lực này thể hiện ở kiến thức về các nguyên tắc tạo lập các thông điệp có thể được chấp nhận trong giao tiếp, bao gồm: năng lực diễn ngôn, năng lực thể hiện chức năng giao tiếp và năng lực tiếp nhận theo sơ đồ tương tác và truyền tác giữa các cá nhân khi giao tiếp

3. Một vài đề xuất cải tiến việc dạy ngoại ngữ dựa trên quan điểm phát triển năng lực giao tiếp ở người học.

Việc dạy và học ngoại ngữ là một quá trình có tính xã hội, văn hóa đặc trưng liên quan đến cá nhân trong cộng đồng ngôn ngữ. Do vậy, bên cạnh việc cung cấp đầy đủ các yếu tố đơn thuần ngôn ngữ, người dạy cần phải chú trọng phát triển các yếu tố ngoài ngôn ngữ để người học có thể vận dụng một cách phù hợp kiến thức về ngôn ngữ được học. Xuất phát từ quan điểm có tính tích hợp các yếu tố ảnh hưởng đến nắm bắt và sử dụng ngôn ngữ đó, chúng ta cần quan tâm đến một số vấn đề sau đây để có thể hiểu đúng và vận dụng trong quá trình đổi mới việc dạy và học ngoại ngữ.

3.1. *Nắm vững các đặc điểm của người học ngoại ngữ.*

Người dạy ngoại ngữ cần phải tìm hiểu kỹ càng những đặc điểm của người học ngoại ngữ để có thể tiến hành thuận lợi quá trình giảng dạy của mình. Trước tiên, người dạy ngoại ngữ phải xem xét người học với tư cách là một cá nhân trong một cộng đồng ngôn ngữ, cộng đồng dân cư với đầy đủ các yếu tố văn hóa, xã hội của cộng đồng mình vì điều này sẽ ảnh hưởng lớn đến việc nắm bắt ngôn ngữ mới của người học. Nếu trong cộng đồng của người học đã có những nét văn hóa tương đồng với văn hóa của cộng đồng ngôn ngữ cần học thì người học sẽ có điều kiện tiếp cận dễ

dàng hơn bởi họ chỉ việc tiến hành ghi nhớ về mặt vỏ ngôn ngữ cho những hiện tượng văn hóa đó mà không phải mất thêm thời gian, công sức tìm hiểu, ghi nhớ các khía cạnh văn hóa mới, đôi khi có thể dẫn đến những hiểu nhầm nhất định.

Ngoài ra, người dạy cũng cần phải có quan điểm mềm dẻo, linh động trong việc đánh giá, xem xét nhận thức, hoạt động của người học một ngôn ngữ mới. Thật vậy, đối với người học một ngôn ngữ mới, việc nắm bắt các kiến thức kỹ năng ngôn ngữ không phải đều nhau ở mọi cá nhân mà ngược lại, nó có tính động rất cao, thay đổi ở mỗi cá nhân khác nhau và ở mỗi thời điểm khác nhau. Chính vì thế, với cùng một ngôn ngữ phải học, trong cùng một khoảng thời gian nhất định, có người sẽ học rất nhanh một ngôn ngữ, sử dụng được lâu dài nhưng có người học rất chậm, diễn đạt bằng ngoại ngữ rất khó khăn.

Đây là một đặc điểm nổi bật của người học, phản ánh bản chất của họ dưới góc độ của một cá nhân trong một cộng đồng ngôn ngữ khi tiếp xúc với một ngôn ngữ mới hay một cộng đồng ngôn ngữ mới với một nền văn hóa khác biệt. Do vậy, sự tiếp cận ngôn ngữ nhanh hay chậm, sự hòa đồng vào một nền văn hóa mới dễ hay khó tùy thuộc vào sự cởi mở của từng cá nhân, từng điều kiện, hoàn cảnh thực tế hoặc do người dạy tạo ra.

3.2. Hiểu rõ về bản chất của hoạt động học ngoại ngữ

Trước khi tiến hành dạy một ngoại ngữ, việc rất quan trọng mà người dạy cần phải thực hiện đó là tìm hiểu, phân tích, nắm rõ bản chất của hoạt động học ngoại ngữ bởi đây là một hoạt động đặc thù, mang tính khác biệt với các hoạt động học khác.

Như vậy, người dạy cần phải hiểu rằng hoạt động học ngoại ngữ trước tiên phải là một hoạt động mang tính giao tiếp, xã hội, đòi hỏi phải có sự chuẩn bị mọi mặt về các kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ, phi ngôn ngữ nhằm đặt người học vào trong một tình huống giao tiếp ngôn ngữ, giao tiếp xã hội với các cá nhân thuộc cộng đồng mình cùng học ngoại ngữ hoặc với cá nhân thuộc cộng đồng của ngôn ngữ cần học.

Chính vì thế, việc học cũng như việc luyện tập ngoại ngữ cũng phải đặt trong những tình huống có nhu cầu giao tiếp chứ không phải là hoạt động ghi nhớ đơn thuần các kiến thức về ngôn ngữ như trong hoạt động học các môn học khác.

Áp dụng phương hướng giảng dạy thông qua hoạt động phân công nhiệm vụ trong học ngoại ngữ

Để tổ chức tốt hơn hoạt động của người học ngoại ngữ, giáo viên cần phải áp dụng đường hướng mới trong giảng dạy ngoại ngữ, đó là việc dạy học dựa trên sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho người học. Tức là, trong mỗi tình huống cụ thể của việc học ngoại ngữ, giáo viên sẽ phân vai cho người học thực hiện một phần hay toàn phần một công việc đưa ra nhằm tăng cường khả năng lĩnh hội và vận dụng kiến thức lĩnh hội được của người học cho một tình huống giao tiếp xã hội ngôn ngữ.

Thực hiện việc phân công cụ thể cho người

học đảm nhận một vị trí nhất định của một vai trong tình huống giao tiếp sẽ giúp họ hiểu và thực hành một cách dễ dàng kiến thức ngôn ngữ học được trong giao tiếp thụ động, bắt trước trên lớp và thuận lợi cho việc áp dụng vào các tình huống giao tiếp thực tế với người bản ngữ.

3.3. Hiểu và đánh giá đúng vai trò các thành tố của năng lực giao tiếp ở người học.

Như chúng tôi đã phân tích ở trên, năng lực giao tiếp có vai trò rất quan trọng trong giảng dạy ngoại ngữ. Năng lực này được hình thành từ tập hợp các năng lực thành phần liên quan đến giao tiếp ngôn ngữ, giao tiếp văn hóa, giao tiếp xã hội và các yếu tố phi ngôn ngữ khác.

Do đó, người dạy cần phải xác định được đầy đủ các thành tố này của năng lực giao tiếp, nắm vững những yêu cầu, đòi hỏi để hình thành mỗi năng lực thành phần ở người học, giúp họ có được điều kiện thuận lợi trong nắm bắt ngôn ngữ và vận dụng nó trong những tình huống giao tiếp cụ thể.

Ngoài ra, người dạy cũng cần phải xác định các năng lực thành phần trọng tâm trong cấu phần các năng lực giao tiếp cho phù hợp với mỗi đối tượng người học và với mỗi cấp độ phát triển năng lực ngôn ngữ của họ để có các biện pháp cụ thể tập trung nâng cao cả về khối lượng kiến thức, kỹ năng và chất lượng nắm bắt chúng, nhằm hình thành vững chắc năng lực trọng tâm cần thiết ở người học. Ví dụ như ở giai đoạn đầu của việc học ngoại ngữ, người học có thể đưa cấu phần năng lực ngôn ngữ làm trọng tâm vì đây là năng lực rất cần thiết cho việc thiết lập kiến thức nền tảng về ngôn ngữ ở người học. Tuy nhiên, giáo viên cũng không nên bỏ qua việc phát triển các năng lực chung khác về văn hóa giao tiếp hay xã hội giao tiếp ngoại ngữ đó ở người học vì đây cũng là những yếu tố mang tính định hướng

cho việc sử dụng đúng ngôn ngữ ở các tình huống giao tiếp thực tế.

4. Kết luận

Dạy và học một ngôn ngữ chính là một hoạt động truyền đạt và tái tạo lại một nền văn hóa, xã hội ẩn sau lớp vỏ ngôn ngữ. Người học ở đây được đặt ở cương vị là một chủ thể mang tính văn hóa, xã hội của một cộng đồng ngôn ngữ. Do đó, người học ngôn ngữ cũng chịu sự chi phối bởi đầy đủ các yếu tố về cá nhân, xã hội, đặc biệt là những vấn đề văn hóa giữa hai cộng đồng ngôn ngữ khác nhau. Chính vì vậy, để nâng cao chất lượng giảng dạy ngoại

ngữ, trước hết, người dạy phải hiểu được các cấu phần của năng lực giao tiếp ở người học, xác định chính xác, cụ thể các năng lực trọng tâm, các năng lực bổ sung tương ứng với mỗi tình huống cụ thể, mỗi cấp độ tiếp nhận ngôn ngữ khác nhau ở người học. Ngoài ra, người học cũng nên phân tích cụ thể tình huống học, biết cách phân vai, phân nhiệm vụ cụ thể cho người học để họ tham gia trực tiếp vào việc giao tiếp ngoại ngữ trong những tình huống giả định và tiến tới là các tình huống thực tế ngôn ngữ với đầy đủ đặc điểm về ngôn ngữ, văn hóa, xã hội của cộng đồng ngôn ngữ mà người học tiếp cận. □

Tài liệu tham khảo

1. Abbou, A., 1980, « La didactique de la 3^e génération. Des hypothèses aux projets et Approche ethnométhodologique des échanges langagiers. En situation de face à face », *Etude de linguistique appliquée*, n° 37, Jan-mars.
2. Bautier-Castaing, E., 1983, « La compétence de communication peut-elle faire l'objet d'un enseignement ? », *Repères*, n° 61.
3. BOYER, Henri et Guy LOCHARD, 1998, *La communication médiatique*, Seuil, Paris.
4. Christian Delory, 2000 *L'évaluation des compétences dans l'enseignement fondamental. De quoi parle-t-on ?*, *Évaluation des compétences chez l'apprenant – Pratique, méthodes et fondements*, Presse universitaire de Louvain.
5. Conseil de l'Europe, 2010, *Cadre européen commun de référence pour les langues*, Didier.
6. Daniel Coste et al., 1976, *Un niveau seuil*, Hatier, 1976
7. Dolz, Pasquier et Bronckart, 1993, « L'acquisition des discours : Emergence d'une compétence ou apprentissage de capacités langagières diverses ? », *Etudes de linguistique appliquée*, n°92.
8. Hymes, D., 1992, *Vers la compétence de communication*, Didier.
9. MOIRAND, S., 1990, *Enseigner à communiquer en langue étrangère*, Hachette, Paris.
10. PUREN, C., 1998, *Se former en didactique des langues*, Ellipses, Paris.
11. WIDDOWSON, H. G., 1991, *Une approche communicative de l'enseignement des langues*, Crédif / Hatier, Paris.